

Biểu mẫu 21

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

THÔNG BÁO

Cam kết công khai tài chính của Trường Đại học Tây Đô
năm học 2023-2024

A. Mức thu học phí, các khoản thu khác năm học 2023-2024 và dự kiến cho cả khóa học; Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm học	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ			
	- Ngành Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	60	180
2	Thạc sĩ			
	- Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	24	48
	- Tài chính – Ngân hàng	Triệu đồng/năm	24	48
	- Kế toán	Triệu đồng/năm	27	54
	- Luật Kinh tế	Triệu đồng/năm	30	60
	- Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Triệu đồng/năm	27	54
	- Dược lý và Dược lâm sàng	Triệu đồng/năm	50	100
3	Đại học			
3.1	Khối ngành I			
	- Thiết kế đồ họa	Triệu đồng/năm	23	94
3.2	Khối ngành III			
	- Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	23	94
	- Tài chính – Ngân hàng	Triệu đồng/năm	23	94
	- Kế toán	Triệu đồng/năm	23	94
	- Luật kinh tế	Triệu đồng/năm	23	94
	- Marketing	Triệu đồng/năm	23	94
	- Kinh doanh quốc tế	Triệu đồng/năm	23	94
3.1	Khối ngành IV			
	- Hóa học (chuyên ngành Hóa dược)	Triệu đồng/năm	40	160
3.2	Khối ngành V			
	- Thú y	Triệu đồng/năm	25	123
	- Công nghệ thực phẩm	Triệu đồng/năm	26	111
	- Nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng/năm	23	100
	- Công nghệ thông tin	Triệu đồng/năm	23	100
	- Kỹ thuật Điện - Điện tử	Triệu đồng/năm	23	100
	- CNKT công trình Xây dựng	Triệu đồng/năm	23	100
	- Logistics và QLCCU	Triệu đồng/năm	26	108
3.3	Khối ngành VI			
	- Dược học	Triệu đồng/năm	57	288
	- Điều dưỡng	Triệu đồng/năm	31	124
	- Dinh dưỡng	Triệu đồng/năm	33	130
3.4	Khối ngành VII			
	- Văn học	Triệu đồng/năm	23	94



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/ năm học	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
	- Việt Nam học	Triệu đồng/năm	23	94
	- Văn hóa học	Triệu đồng/năm	23	94
	- Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng/năm	23	94
	- Quản trị DV du lịch & lữ hành	Triệu đồng/năm	23	94
	- Du lịch	Triệu đồng/năm	23	94
	- Quản trị khách sạn	Triệu đồng/năm	23	94
	- Truyền thông đa phương tiện	Triệu đồng/năm	24	96
	- Quản lý đất đai	Triệu đồng/năm	23	109
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ			
	Khối ngành...			
2	Thạc sĩ			
	Khối ngành...			
3	Đại học			
	- Cử nhân tài năng QTKD	Triệu đồng/năm	35	140
	- Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
	+ Dược học	Triệu đồng/năm	56	246
	+ Điều dưỡng	Triệu đồng/năm	34	113
	+ Các ngành khác	Triệu đồng/năm	21-22	72-74
	- Đại học văn bằng 2			
	+ Dược học	Triệu đồng/năm	62	163
	+ Các ngành khác	Triệu đồng/năm	22-23	57-59
	- Đại học văn bằng 2 (hệ đào tạo từ xa)			
	- Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng/năm	18	36
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm	-	-
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm	-	-
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
IV	Tổng thu năm học 2023-2024 (dự kiến)		Tỷ đồng	165
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		
2	Từ học phí	Tỷ đồng	161	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	1	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	3	

B. Các khoản chi dự kiến trong năm học 2023-2024:

Stt	Khoản chi dự kiến	Số tiền/ năm học (triệu đồng)	Số tiền bình quân/tháng (triệu đồng)
1	Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương	60.000	
2	Chi bồi dưỡng chuyên môn, hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài	5.000	
3	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	30.000	
4	Mức thu nhập hàng tháng:		
	4.1 Cán bộ quản lý		18-25
	4.2 Giảng viên, chuyên viên		9-12

Stt	Khoản chi dự kiến	Số tiền/ năm học (triệu đồng)	Số tiền bình quân/tháng (triệu đồng)
	4.3 Nhân viên		5-7
5	Mức chi thường xuyên cho 01 người học		
	5.1 Khối ngành sức khỏe	20-34	
	5.2 Khối ngành Kỹ thuật công nghệ, sinh học ứng dụng	15-17	
	5.3 Khối ngành khác	9-12	

C. Chính sách miễn giảm học phí đối với người học và kết quả dự kiến thực hiện:

- Chính sách miễn giảm học phí đối với người học và kết quả dự kiến thực hiện:

- + Giảm **50%** học phí đối với con liệt sĩ;
- + Giảm **30%** học phí đối với con thương binh loại 1/4 và 2/4;
- + Giảm **10%** học phí đối với con thương binh loại 3/4;
- + Giảm **30%** học phí đối với con mồ côi cả cha lẫn mẹ, con mồ côi cha hoặc mẹ có sổ hộ nghèo;
- + Giảm **20%** học phí cho mỗi sinh đôi với ông (bà) nội (ngoại)/cháu ruột; cha/con hoặc mẹ/con; vợ/chồng; anh/ chị em ruột cùng đang học tập tại trường.
- + Giảm **20%** học phí đối với con người dân tộc thiểu số có sổ hộ nghèo.

- Dự kiến kết quả miễn giảm học phí đối với người học: khoảng 03 tỷ đồng.

D. Chính sách học bổng đối với người học và kết quả dự kiến thực hiện:

- Chính sách học bổng đối với người học:

- + Học bổng đầu vào đối với thí sinh đăng ký xét tuyển đại học chính quy (học bổng xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT, điểm học bạ, theo hộ khẩu và trường THPT kết nghĩa).
- + Tân sinh viên thuộc hệ chính quy đạt điểm cao nhất trong đợt tuyển sinh.
- + Sinh viên đang học tại trường thuộc hệ chính quy có kết quả học tập, rèn luyện từ loại giỏi trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong năm học xét học bổng thì được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập.
- + Sinh viên đang học tại trường thuộc hệ chính quy vượt khó thuộc các đối tượng: có hoàn cảnh khó khăn, con người dân tộc, con mồ côi, con thương binh, bệnh binh... được Hội khuyến học của Trường xét cấp học bổng khuyến học hàng năm.
- + Những trường hợp đặc biệt khó khăn, Trường sẽ xem xét cấp học bổng toàn phần (không thu học phí toàn khóa).
- + Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ chính quy có kết quả học tập, rèn luyện đạt thủ khoa đầu ngành và từ loại giỏi trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong toàn khóa học được cấp học bổng khi sinh viên học tiếp trình độ Thạc sĩ tại trường.

- Dự kiến kết quả chi học bổng đối với người học: khoảng 06 tỷ đồng.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Trần Công Luận